

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/10/2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan.
2. Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 559/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971, cư trú số: 65/16/32A khóm ĐT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, cư trú số: 65/16/32A khóm ĐT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

(Ông L, bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 31 tháng 07 năm 2019, bản khai ngày 18 tháng 08 năm 2019 trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L tự quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1990, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nay, ông L không còn tình cảm, yêu thương đối với bà Liễu. Do giữa ông và bà L không kết hôn theo pháp luật quy định nên ông L yêu cầu Tòa án xem xét quan hệ hôn nhân giữa ông L bà L theo quy định pháp luật, không công nhận ông bà là vợ

chồng. Theo yêu cầu của ông L bà L đồng ý yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống có hai con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1996 con chung đã thành niên, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Quốc V, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2004. Ông L yêu cầu giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, ông L yêu cầu được tự thỏa thuận với bà L nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, bà L trình bày giữa bà và ông L không còn tình cảm gì với nhau. Nay ông L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về quan hệ hôn nhân và gia đình giữa bà và ông L thì bà đồng ý, yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng do trong thời gian chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng giữa bà L và ông L có hai con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1996 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2004. Ông L yêu cầu giao cháu V cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, bà L đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cháu V do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ý kiến của cháu V đồng ý tiếp tục sống chung với bà Liễu.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do bận việc đi làm ăn xa, khó khăn trong việc đi lại tham dự tại phiên tòa theo đơn đề cùng ngày 19 tháng 09 năm 2019. Do đó, chủ tọa phiên tòa công bố lý do nguyên đơn ông L và bà L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề cùng ngày 19 tháng 09 năm 2019. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà L là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông, bà đã vi phạm quy định pháp luật về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố quan hệ giữa ông L và bà L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng ông L và bà L có hai con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1996 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2004. Đối với Nguyễn Phú Q đã thành niên, có cuộc sống gia đình riêng, tự lao động nuôi sống bản thân, không phụ thuộc vào cha mẹ, ông L không yêu cầu nên không xem xét. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Quốc V đang sống ổn định với bà Liễu, được bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, cháu V có nguyện vọng sống chung với bà Liễu. Việc cháu V sống chung với bà Liễu, ông L thống nhất không có ý kiến. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Nguyễn Quốc V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu V được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cháu V cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng

nuôi con chung, bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung giữa ông L và bà L có tài sản chung, ông L yêu cầu được tự thỏa thuận với bà Liễu. Theo yêu cầu của ông L, bà L thống nhất tự thỏa thuận với ông L nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác (nếu có) và nợ chung không có nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L nộp tiền án phí theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị L không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Không công nhận ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L có hai con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1996 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2004.

Đối với con chung tên Nguyễn Phú Q đã thành niên có cuộc sống gia đình ổn định riêng, đã đi làm, lao động có thu nhập nuôi sống bản thân, không phụ thuộc gia đình cha mẹ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Nguyễn Quốc V: Bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông L không cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu. Bà L phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên L thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005064, ngày 22 tháng 08 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị L không nộp án phí.

Ông Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông L, bà Liễu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương